

Bản án số: 73/2020/HS-ST

Ngày 10/6/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Đoan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Tiến – Cán bộ hưu trí

Bà Trần Thị Kim Thủy – Cán bộ hưu trí

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh** tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử số 3 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Lưu Văn T;** Tên gọi khác: Lưu Đức T; Sinh ngày 15/12/1984 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú và chỗ ở: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ: Phùn Thị N; Có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 15/01/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 20/02/2008; Bắt truy nã ngày 18/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

2. **Tô Văn Đ;** Tên gọi khác: không; Sinh ngày 04/8/1977 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Tô Văn C (đã chết) và bà Lương Thị P (sinh năm 1947); Vợ: Bùi Thị O; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 13/01/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

3. **Trần Văn C**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 10/5/1983 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ: Vi Thị B; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bắt quả tang ngày 04/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa;

4. **Trần Văn N**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 12/9/1991 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Trần Văn T (tên gọi khác: Trần Văn C) và bà Vũ Thị H; Vợ: Đinh Thị H; Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: ngày 10/7/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2018; Tiền sự: không; Đầu thú ngày 09/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

5. **Chú A N1**; Tên gọi khác: Chú Văn B; Sinh ngày 01/8/1989 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn 4, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Chú Gì L và bà Tăng Tài M; Vợ: Chiu Tài M; Có 01 con sinh năm 2009; Tiền án: ngày 12/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án về tội: “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo ngày 12/4/2019; Tiền sự: không. Bắt quả tang ngày 04/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

6. **Trưởng A S**; Tên gọi khác: Trưởng Chấn M; Sinh ngày 20/8/1990 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn 4, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Trưởng A T và bà Háu Sám M; Vợ: Phùn Xí M; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010 và con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: ngày 25/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 05/12/2019, chưa thi hành xong phần thi hành án dân sự; Tiền sự: không; Bắt quả tang ngày 04/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa;

7. **Đào Văn T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 01/8/1966 tại huyện L, thành phố Hải Phòng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh

Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 05/10; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Đào Văn N (đã chết) và bà Lương Thị T (sinh năm 1935); Vợ: Nông Thị V; Có 01 con sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân Ngày 14/3/1990, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”; Ngày 24/5/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”; Ngày 23/9/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội: “Đánh bạc”; Đầu thú ngày 05/01/2020, bị tạm giữ đến ngày 13/01/2020 được thay thế biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

8. **Nguyễn Văn T1**; Tên gọi khác: T C; Sinh ngày 18/7/1989 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn C và bà Quách Thị T; Vợ: Nguyễn Thị H; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự : không; Đầu thú ngày 20/01/2020 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

9. **Ngô Hồng S1**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 04/12/1997 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Ngô Văn N và bà Tô Thị G; Vợ con: không; Tiền án, tiền sự: không; Bắt quả tang ngày 04/01/2020, bị tạm giữ đến ngày 13/01/2020 được thay thế biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

10. **Đào Công T2**; Tên gọi khác: T; Sinh ngày 18/8/1986 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên trường Tiểu học H; Con ông: Đào Xuân C và bà Phạm Thị L; Vợ: Lê Thị Q; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 11/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

11. **Chíu Văn H**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 19/3/1984 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Chíu Gì H (đã chết) và bà Nông Thị N; Vợ: Lý Thị P; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 14/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

12. **Lương Xuân Q**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 21/02/1998 tại huyện T,

tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Lương Văn H và bà Lê Thị N; Vợ: Nguyễn Thị T; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 05/01/2020, bị tạm giữ đến ngày 13/01/2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

13.**Trần Văn N2**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 23/10/2000 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn Nà Bắc, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chỉ; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Trần Văn P và bà Nềnh Thị Q; Vợ: Hoàng Thị T; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 05/01/2020, bị tạm giữ đến ngày 13/01/2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa;

14.**Hoàng Văn P**; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1961 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn N Hoa, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 02/10; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn C (đã chết) và bà Lương Thị X (đã chết); Vợ: Bùi Thị H; Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 05/01/2020, bị tạm giữ đến ngày 13/01/2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương A S*: Trợ giúp viên pháp lý Vũ Thị Uyên – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh;

- *Người bào chữa cho bị cáo Cháu A N1*: Trợ giúp viên pháp lý Trần Quý Cường – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh.

- *Người làm chứng*:

1. Đào Văn T;
2. Ngô Thị T;
3. Phùn Văn A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T và Trần Văn C ở cùng xã N và có quen nhau. Đầu tháng 01/2020, T bảo với C sẽ rủ người xuống nhà C đánh bạc và T sẽ thu cho C 100.000đ một người tham gia, C đồng ý. Đến 12h ngày 04/01/2020, T rủ Cháu Văn H, Nguyễn Duy A, Trương A S đến nhà C đánh bạc đồng thời T cũng gọi Tô Văn Đ đến canh giới. Sau đó, T gọi tiếp Cháu A N1, Trần Văn N2, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Hoàng Văn P, Lương Xuân Q, Trần Văn N2, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Phùn Văn A và Đào Văn T đến chơi xóc đĩa. Tại nhà C, sau

khi H và C chuẩn bị dụng cụ đánh bạc là 04 ghế nhựa, 01 chiếu nhựa, 01 bát, 01 đĩa sứ và 04 quân bài được cắt ra từ hộp đựng hương thì T bắt đầu xóc đĩa để C, H, S, N, Đào Công T2, S1, P, Q, N2 và Nguyễn Văn T1 đánh bạc bằng cách đặt cửa chắn, lẻ với số tiền chơi của từng người mỗi lần chơi. Khi đang đánh bạc thì T bảo Đ đi đến khu vực chợ N đón A N1 và Phùn Văn A đến đánh bạc. Sau khi đón về thì A N1 tham gia chơi còn Phùn Văn A đứng xem. Tại nhà C, Đào Văn T không tham gia đánh bạc nhưng có cho Nguyễn Văn T1 vay 5.000.000đ và cho A vay 3.000.000đ để tham gia đánh bạc. Trong quá trình chơi nếu T không trực tiếp xóc đĩa thì H, Đào Công T2 và S1 tham gia xóc đĩa để mọi người chơi. T và C thu được 700.000đ tiền hồ, T đưa cho C và C bỏ ra đặt cửa đánh bạc hết. Đến khoảng 17h 05 phút, khi mọi người đang chơi thì bị công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 22.627.000đ cùng một bát sứ, một đĩa sứ, bốn quân bài, một chiếu nhựa, bốn ghế nhựa. Ngoài ra, công an còn thu một số tài sản khác của những người tham gia đánh bạc, cụ thể: thu của Đ: 01 điện thoại di động Oppo gắn sim số 0985.697.826; Thu của C: 6.000.000đ và một điện thoại di động Samsung J7 Pro, bên trong gắn một sim; Thu của S1: một điện thoại di động Nokia gắn sim 0333.813.547, một Iphone gắn sim số 0353.598.786; Thu của Q: một điện thoại di động Iphone 6; Thu của A S: một điện thoại di động Iphone; Thu của P: một điện thoại di động Nokia gắn sim số 0376.112.814; Thu của A N1: 215.000đ; Thu của N2: 50.000đ và một điện thoại di động Nokia; Thu của T: 6.000.000đ và một điện thoại di động Viettel. Số tiền thu giữ của N2 là tiền dùng vào việc đánh bạc; còn tiền thu của T trong đó có 3.300.000đ là tiền A trả. Khi bị phát hiện thì T, Đào Công T2, H và Duy A bỏ chạy sau T bị bắt truy nã còn Tuấn, H và một số bị can ra đầu thú.

Về việc tham gia đánh bạc và số tiền tham gia đánh bạc các bị cáo khai cụ thể như sau:

Lưu Văn T khai: khi tham gia đánh bạc, T có 500.000đ, đặt cửa hai lần mỗi lần 200.000đ, thắng được 100.000đ. Song T không thừa nhận là người xóc đĩa đầu tiên mà là người xóc đĩa thứ hai sau H. C khai: T bảo đưa người xuống đánh bạc thu tiền hồ. Khi đánh T thu được 400.000đ, C thu được 300.000đ, tổng cộng 700.000đ, số tiền này C đã tham gia chơi bạc và thua hết. N khai: có 150.000đ. A N1 khai: được T gọi đến nhà C chơi bạc, khi chơi N1 có 250.000đ và bị thua hết; A S khai: tham gia đánh bạc với số tiền 100.000đ; Nguyễn Văn T1 khai: vay của T 5.000.000đ để chơi nhưng mới tham gia 300.000đ thì bị bắt, khi bỏ chạy bị rơi mất; S1 khai: có 650.000đ tham gia đánh bạc và có tham gia xóc đĩa; Đào Công T2 khai: có 500.000đ tham gia đánh bạc và có tham gia xóc đĩa; Cháu Văn H khai: có tham gia xóc đĩa và có 500.000đ đánh bạc; Trần Văn N2 khai: có 250.000đ tham gia đánh bạc; Q khai: tham gia đánh bạc với số tiền 400.000đ và P khai: tham gia đánh bạc với số tiền 200.000đ. Các bị cáo đều khai

việc đến tham gia đánh bạc là do T gọi.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSQN-P2 ngày 27/4/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố Lưu Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội: “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Truy tố Trần Văn C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội: “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Tô Văn Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Cháu Văn H, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Lương Xuân Q, Trần Văn N2, Cháu A N1, Hoàng Văn P, Trần Văn N2 và Trương A S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo như sau: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Tô Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Xử phạt các bị cáo Cháu Văn H, Đào Công T2, Nguyễn Văn T1, Ngô Hồng S1 từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Xử phạt các bị cáo Lương Xuân Q, Trần Văn N2 và Hoàng Văn P từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Xử phạt các bị cáo Cháu A N1, Trần Văn N2, Trương A S từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lưu Văn T và Trần Văn C, mỗi bị cáo từ 20 đến 30 triệu đồng;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trợ giúp viên pháp lý Vũ Thị Uyên và Trần Quý C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo sống ở vùng miền núi khó khăn cả về kinh tế và xã hội, nhận thức về pháp luật hạn chế, phần lớn các bị cáo là người dân tộc, phạm tội ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến và khiếu nại về hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về lời khai của bị cáo Trần Văn N2 tại phiên tòa có nội dung: Khi ra đầu thú tại Công an tỉnh Quảng Ninh ngày 09/01/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh có thu của N 01 điện thoại Nokia và 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) nhưng không được chuyển sang Tòa án để xử lý vật chứng. Về vấn đề này qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ và Biên bản giao nhận vật chứng của vụ án không có tài liệu nào thể hiện có việc thu giữ điện thoại và tiền của bị cáo N nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý mà chuyển kiến nghị của bị cáo N đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh để xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo :

Về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Gá bạc”: Tại các tài liệu có trong hồ sơ và khai báo tại phiên tòa, các bị cáo Tô Văn Đ và Trần Văn C đều khai báo việc tổ chức đánh bạc tại nhà C ngày 04/01/2020 là do T tổ chức, Đ được T gọi đến để cảnh giới và có được T bảo đi đón Phùn Văn A và Cháu A N1 đến đánh bạc (Bút lục số 560 - 565). C khai có được T bảo đưa người xuống nhà C đánh bạc và có đồng ý cho T sử dụng nhà mình để tổ chức đánh bạc, đồng thời cũng tham gia đánh bạc bằng số tiền 700.000đ thu từ những người đến đánh bạc (Bút lục số 276 - 279). Đối với Lưu Văn T cũng thừa nhận có gọi một số người đến nhà C đánh bạc, một số người trong số những người bị bắt trực tiếp gọi điện đến cho bị cáo để tham gia đánh bạc. Bản thân T cũng tham gia cầm cái xóc đĩa và có tham gia đánh bạc với số tiền 500.000đ (Bút lục số 536 – 537). Như vậy có đủ căn cứ kết luận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Lưu Văn T về các tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 và điểm a khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Tô Văn Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Về tội “Đánh bạc”: Tại các tài liệu có trong hồ sơ và khai báo tại phiên

tòa, các bị cáo Chiu Văn H, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Lương Xuân Q, Trần Văn N2, Chiu A N1, Hoàng Văn P, Trần Văn N2 và Trương A S đều khai báo thừa nhận có tham gia đánh bạc tại nhà C ngày 04/1/2020 và bị Công an bắt quả tang. Việc tham gia đánh bạc là do T gọi. Số tiền bị Công an thu giữ trên chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục số 231-238 ). Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo nêu trên bị Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội “Đánh bạc” theo qui định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

**Khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự qui định:**

*“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi qui định tại điều 322 của Bộ luật này, hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

**Khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự qui định:**

*“Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức hai chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.*

*b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lí của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho hai chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên”.*

Về số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSQN-P2 ngày 27/4/2020 Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh kết luận *“...thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 38.227.000 đồng. Trong đó thu trên chiếu bạc là 22.627.000 đồng, thu trên người bị can Đào Văn T dùng để đánh bạc là 3.300.000 đồng, số tiền các bị can đã dùng vào việc đánh bạc là 9.000.000 đồng”.*

Tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai xác nhận của các bị cáo, người liên quan và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, ngoại trừ số tiền thu trên chiếu bạc, số tiền thu của bị cáo T dùng vào việc đánh bạc và số tiền 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) thu của Trần Văn



N2 có dùng vào đánh bạc thì không còn khoản thu giữ nào khác được xác định là tiền dùng vào đánh bạc. Do đó số tiền được xác định các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 25.977.000đ (hai mươi năm triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) bao gồm 22.627.000đ tiền thu trên chiếu bạc, 3.300.000đ thu của bị cáo T và 50.000đ thu của bị cáo N2.

[3] Về tính chất và mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Do đó phải xử phạt nghiêm minh để có tác dụng tích cực trong đấu tranh và phòng chống tội phạm. Trong vụ án này, vai trò đầu thuộc về bị cáo Lưu Văn T. Bị cáo T là người tổ chức và tham gia đánh bạc tích cực, nên phải bị xử phạt cao hơn bị cáo Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”. Bị cáo C chịu trách nhiệm độc lập về tội “Gá bạc”, các bị cáo Cháu A N1, Trần Văn N2 và Trương A S là những bị cáo có tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải bị xử phạt cao hơn các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì ngoại trừ các bị cáo có tiền án nêu trên, các bị cáo còn lại đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo N đã ra đầu thú, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2018, bản thân đang nuôi con nhỏ; Bị cáo Tô Văn Đ có mẹ đẻ là có công, được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Các bị cáo: Tô Văn Đ, Cháu Văn H, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Lương Xuân Q, Trần Văn N2 và Hoàng Văn P phạm tội có mức độ, đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo T không trực tiếp tham gia đánh bạc, chỉ là người cầm nỏ cho Nguyễn Văn T1 vay tiền đánh bạc, bản thân đang mắc bệnh nặng, ung thư đại tràng di căn phổi đang điều trị tại bệnh viện. Do đó các bị cáo này có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi cư trú cũng bảo đảm giáo dục các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều sinh sống tại vùng núi, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, không có công việc ổn định, phần lớn là người dân tộc thu nhập rất thấp chủ yếu từ việc làm ruộng nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, vật chứng của vụ án được xử lý như sau :

Đối với số tiền 22.627.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm hai bảy ngàn đồng) thu trên chiếu bạc bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Ngoài số tiền này khi phát hiện bắt giữ cơ quan điều tra còn thu giữ của các bị cáo các tài sản như

sau:

Thu của bị cáo Tô Văn Đ: 01 điện thoại Oppo ốp mặt sau màu hồng bên trong gắn sim. Qua kiểm tra điện thoại này dùng vào việc liên hệ đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Thu của bị cáo Trần Văn C: một điện thoại Samsung J7 Pro bên trong gắn sim. Qua kiểm tra xác định có dùng vào việc liên hệ đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền 6.000.000 đồng thu trên người, C khai là tiền bán gà từ sáng không dùng vào đánh bạc (Bút lục số 285) nên trả lại cho bị cáo C.

Thu của bị cáo Ngô Hồng S1: 01 điện thoại Nokia vỏ màu vàng số IMEI356960/01/040109/4 bên trong gắn sim và 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng bên trong gắn sim. Qua kiểm tra không dùng vào liên hệ đánh bạc (Bút lục số 268) nên trả lại cho bị cáo S1.

Thu của bị cáo Hoàng Văn P: 01 điện thoại Nokia màu đen. Qua kiểm tra không dùng vào việc liên hệ đánh bạc (Bút lục số 445) nên trả lại cho bị cáo P.

Thu của bị cáo Lương Xuân Q: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám. Qua kiểm tra có dùng vào việc liên hệ đánh bạc (Bút lục số 463) nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Thu của bị cáo Trần Văn N2: 01 điện thoại Nokia màu đen và 50.000 đồng. N2 khai có dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Các tài sản còn lại thu của bị cáo Trần Văn N2 gồm: Một ví da gấp màu đen, một căn cước công dân, một quyển giấy thông hành và một chùm chìa khóa trả lại cho bị cáo Trần Văn N2.

Thu của bị cáo Đào Văn T: một điện thoại Viettel màu xanh và 6.000.000 đồng. Qua kiểm tra điện thoại di động có dùng vào việc liên hệ đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Về số tiền thu giữ bị cáo T khai có 3.300.000 đồng đánh bạc do A trả nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước, số còn lại trả cho bị cáo T.

Thu của bị cáo Trương A S: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng bạc bên trong gắn sim. Qua kiểm tra không dùng vào việc đánh bạc (Bút lục số 354) nên trả lại cho bị cáo A S.

Thu của anh Phùn Văn A: 01 điện thoại Samsung Galaxy và thu của anh Đào Văn T 01 điện thoại Nokia đen và 250.000 đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng), qua kiểm tra không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho Anh và Thâu.

Thu của bị cáo Cháu A N1: 215.000 đồng. Qua kiểm tra, bị cáo A N1 khai không liên quan đến đánh bạc (Bút lục số 309) nên trả lại cho bị cáo A N1.

Các vật chứng còn lại dùng vào việc đánh bạc tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Cháu A N1 thuộc diện miễn giảm án phí và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn giảm. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí

hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: bị cáo Lưu Văn T phạm các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Bị cáo Trần Văn C phạm các tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”. Bị cáo Tô Văn Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo: Cháu Văn H, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Lương Xuân Q, Trần Văn N2, Cháu A N1, Hoàng Văn P, Trần Văn N2 và Trương A S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lưu Văn T 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2020.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Văn C 12 tháng tù về tội “Gá bạc” và 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Cháu A N1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020.

Xử phạt: bị cáo Trương A S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Văn N2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: bị cáo Tô Văn Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: bị cáo Cháu Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời

gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Đào Công T2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Ngô Hồng S1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Đào Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Lương Xuân Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án;

Xử phạt: bị cáo Trần Văn N2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo: Tô Văn Đ, Chiu Văn H, Đào Công T2, Nguyễn Văn T1, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Lương Xuân Q và Hoàng Văn P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ninh và giao bị cáo Trần Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình các bị cáo được cho hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, vật chứng của vụ án được xử lý như sau:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 22.627.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm hai bảy ngàn đồng) thu trên chiếu bạc + 50.000 (năm mươi ngàn) đồng thu của bị cáo Trần Văn N2 + 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) thu của bị cáo Đào Văn T. Ngoài số tiền này các vật chứng còn lại khi phát hiện bắt giữ xử lý như sau:

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại Oppo, ốp mặt sau màu hồng, đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim của Tô Văn Đ;
- 01 điện thoại Samsung J7 Pro đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim của Trần Văn C;
- 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số IMEI 355399072995803 của bị cáo Lương Xuân Q;
- 01 điện thoại Nokia màu đen, model 105, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong của Trần Văn N2;

- 01 điện thoại Viettel màu xanh, số IMEI 1: 352137067015887; số IMEI 2: 352137067015895 + 02 sim của Đào Văn T

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C: 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Trả lại cho bị cáo Ngô Hồng S1: 01 điện thoại Nokia, vỏ màu vàng số IMEI 356960/01/040109/4 đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim và 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng (kiểu dáng Iphone 5) đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P: 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, số IMEI 1: 357329082262322; số IMEI 2: 357329082262330, đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn N2: Một ví da gấp màu đen đã qua sử dụng, một căn cước công dân tên Trần Văn N2 số: 022200000973 cấp ngày 11/5/2016, một quyển giấy thông hành số H1478051 và một chùm chìa khóa (gồm 3 chìa bằng kim loại, một chìa có cán bằng nhựa màu đen) đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Đào Văn T: 2.700.000 (hai triệu bảy trăm ngàn) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trương A S: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng bạc, đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy bên trong + 01 sim.

Trả lại cho bị cáo Cháu A N1: 215.000 (hai trăm mười lăm ngàn) đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho anh Phùn Văn A: Trú tại: thôn 3, xã Quảng Thịnh, huyện H, tỉnh Quảng Ninh: 01 điện thoại Samsung Galaxy J6, màu đỏ + 01 sim.

Trả cho anh Đào Văn T: Trú tại: thôn Đ, xã N huyện T, tỉnh Quảng Ninh: 01 điện thoại Nokia đen đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong và 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: một bát sứ, một đĩa sứ, một chiếu nhựa, bốn ghế nhựa màu đỏ và bốn quần vị.

Toàn bộ vật chứng và tiền nêu trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 103 ngày 02/06/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo: Lưu Văn T, Trần Văn C, Tô Văn Đ, Cháu Văn H, Đào Công T2, Ngô Hồng S1, Đào Văn T, Nguyễn Văn T1, Lương Xuân Q, Trần Văn N2, Hoàng Văn P, Trần Văn N2 và Trương A S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cháu A N1.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Người tham gia tt;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Văn Đoan**